TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1- VĨNH LONG**	**ỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 121/2025/DS-ST
Ngày : 12-9-2025
"*Tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1- VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Kim Yến

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lê Thị Tú Anh

2. Ông Trần Văn Mỹ Phúc

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Ái Nhân – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1- Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1-Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thủy Tiên – Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 12 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1-Vĩnh Long tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 209/2025/TLST- DS ngày 03 tháng 6 năm 2025 về "*Tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 100/QĐXXST- DS, ngày 30 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 221/2025/QĐST-DS ngày 22 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Công ty Cổ phần S**; địa chỉ trụ sở chính số A, N, phường B, Thành phố V (nay là phường T), tỉnh Nghệ An; người đại diện theo pháp luật: Ông KANOKWATPAISAL NAPAT – Chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Minh V, sinh năm 1995, địa chỉ số: E, đường P, phường P, tỉnh Vĩnh Long. (Văn bản ủy quyền số 268/2024/UQ-SVN ngày 01/6/2024) (Xin vắng mặt)

2. *Bị đơn*: Ông **Võ Văn K**, sinh năm 1977; nơi cư trú: Số B, Đường A, phường T, (Phường E, thành phố V cũ), tỉnh Vĩnh Long.(vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 19/12/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện nguyên đơn ông Nguyễn Minh V trình bày:

Ngày 29/11/2020, Công ty TNHH S1 nay là Công ty Cổ phần S - Chi nhánh V1 01 (Gọi tắt là Công ty) và ông Võ Văn K có ký kết Hợp đồng cầm cố số: VLM201101073NA16X, nội dung hợp đồng hai bên thỏa thuận như sau:

- Tài sản cầm cố: 01 xe máy, nhãn hiệu Honda; loại xe Vison 110cc Fi; biển số xe 64B1-662.94; số khung: RLHJF5804EY505066; số máy: JF58E-0390842; giấy chứng nhận đăng ký xe số: 027119;

- Số tiền cầm cố 15.800.000đồng;

- Thời hạn cầm cố là 12 tháng, kể từ ngày 29/11/2020 đến ngày 29/11/2021; phương thức nhận tiền: Chuyển khoản một lần qua Ngân hàng cho chủ tài khoản tên Võ Văn K, số tài khoản: 101872166889 tại Ngân hàng V2 - Chi nhánh V1;

- Mục đích cầm cố: Phục vụ tiêu dùng cá nhân và kinh doanh;

- Ngày giải ngân: Ngày 29/11/2020;

- Về lãi suất cầm cố: Lãi suất trong hạn: Lãi suất cố định là 1,1%/tháng trên dư nợ thực tế, tính từ ngày ký hợp đồng và nhận tiền; Lãi suất quá hạn: 150% mức lãi suất trong hạn, được áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Trả phí thẩm định tài sản là 3,5%/tháng (còn gọi là phí quản lý hồ sơ và hao mòn tài sản);

- Thời hạn thanh toán: Thanh toán tiền định kỳ hàng tháng (bao gồm gốc và lãi trong hạn) với số tiền 1.742.652.08đồng vào ngày 29 hàng tháng (từ tháng 12/2020 đến tháng 11/2021);

- Hình thức thanh toán: Nộp tiền mặt tại chi nhánh hoặc chuyển khoản vào số tài khoản của Công ty.

Ngoài ra, Công ty và ông K còn lập giấy mượn xe ngày 29/11/2020 các bên thỏa thuận như sau: Công ty cho ông K mượn lại xe honda Vison có thông tin nêu trên để sử dụng nhu cầu đi lại. Nội dung giấy mượn xe như sau:

- Thời gian mượn là 30 ngày, kể từ ngày 29/11/2020 đến ngày 29/12/2020. Trong thời gian mượn xe ông K cam kết sẽ trả lại xe đúng thời hạn và cam kết nếu Công ty yêu cầu giao lại xe thì ông K sẽ chấp hành.

- Bản gốc Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số: 027119 , do Công an tỉnh V cấp ngày 19/3/2016, cấp cho ông Võ Văn K, hiện do Công ty đang giữ.

Hợp đồng cầm cố số: VLM201101073NA16X ngày 29/11/2020 được Công ty đăng ký giao dịch bảo đảm tài sản trên hệ thống trực tuyến của Cục Đ - Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Quá trình thực hiện hợp đồng, từ ngày giải ngân đầu tiên (ngày 29/11/2020) ông K đã thanh toán cho nguyên đơn đến ngày 19/12/2024 số tiền gốc và lãi là 3.531.000đồng (trong đó nợ gốc là 2.079.990đồng; nợ lãi 1.451.010đồng thì ngưng cho đến nay ông K không có thanh toán cho công ty số tiền nào nữa. Tính đến ngày khởi kiện số tiền gốc bị đơn còn nợ lại là 13.720.010đồng.

Công ty đã nhiều lần nhắc nợ đến hạn thanh toán, nhưng đến nay ông K vẫn không thanh toán nợ cho Công ty. Do ông K không thanh toán cho nên

Công ty đã chuyển sang nợ quá hạn và bắt đầu tính lãi quá hạn. Công ty đã nhiều lần làm việc và gửi thông báo nhắc nhở tạo điều kiện cho bị đơn trả nợ nhưng bị đơn vẫn không thực hiện. Vì vậy, Công ty Cổ phần S Có Ngay khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Võ Văn K có trách nhiệm trả cho Công ty Cổ phần S Có Ngay số tiền tính đến ngày 19/12/2024 là 47.164.802đồng (trong đó, tiền gốc là 13.720.010đồng, tiền lãi trong hạn là 7.143.552đồng, tiền lãi quá hạn là 3.571.776đồng, phí quản lý hồ sơ và hao mòn xe là 22.729.483đồng). Ngoài ra còn yêu cầu ông K phải tiếp tục chịu lãi suất, phí phát sinh theo hợp đồng cầm cố và giấy mượn xe kể từ ngày 20/12/2024 cho đến khi trả xong nợ.

Nếu ông Võ Văn K không thực hiện trả nợ hay trả nợ không đầy đủ thì đề nghị cơ quan có thẩm quyền kê biên, phát mãi tài sản cầm cố để thu hồi nợ, tài sản cầm cố là: Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Vision 110c Fi, biển số xe 64B1-662.94; số khung: RLHJF5804EY505066; số máy: JF58E-0390842 theo giấy chứng nhận đăng ký xe số: 027119 và chuyển hồ sơ qua cơ quan cảnh sát điều tra để xử lý.

Ngày 11/9/2025, nguyên đơn có thay đổi yêu cầu khởi kiện:

Yêu cầu bị đơn ông Võ Văn K có trách nhiệm trả cho Công ty Cổ phần S Có Ngay số tiền tính đến ngày 12/9/2025 là 25.677.404đồng (trong đó, tiền gốc là 13.720.010đồng, tiền lãi trong hạn là 1.524.293đồng, tiền lãi quá hạn là 10.433.101đồng).

Nguyên đơn xin rút lại các yêu cầu:

Rút yêu cầu về số tiền phí quản lý hồ sơ và hao mòn xe là 22.729.483đồng và rút yêu cầu đề nghị cơ quan có thẩm quyền kê biên, phát mãi tài sản cầm cố để thu hồi nợ, tài sản cầm cố là: Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda; loại xe Vision 110cc Fi; biển số xe 64B1-662.94; số khung: RLHJF5804EY505066; Số máy: JF58E-0390842; giấy chứng nhận đăng ký xe số: 027119; yêu cầu chuyển hồ sơ qua cơ quan cảnh sát điều tra để xử lý.

Ngày 11/9/2025, phía nguyên đơn có bản tự khai chỉ yêu cầu bị đơn ông Võ Văn K phải thanh toán cho Công ty số tiền đến ngày 12/9/2025 là 25.677.404đồng, (trong đó: nợ gốc 13.720.010đồng, lãi trong hạn 1.524.293đồng và lãi quá hạn 10.433.101đồng). Nguyên đơn yêu cầu lãi suất trong hạn với mức lãi suất 1,1%/tháng tính từ ngày nhận tiền đến ngày đến hạn hợp đồng (ngày 29/11/2020 đến ngày 29/11/2021), lãi quá hạn là 150% lãi suất trong hạn là 1,65%/tháng tính từ ngày hết hạn hợp đồng ngày 30/11/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Ngoài ra, đại diện nguyên đơn ông Nguyễn Minh V xin rút lại tất cả các yêu cầu còn lại. Về chiếc xe gắn máy mà bị đơn cầm cố thì bị đơn vẫn quản lý sử dụng từ ngày cầm cố (ngày 29/11/2020) cho đến nay. Bản gốc giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số: 027119 , do Công an tỉnh V cấp ngày 19/3/2016, cấp cho ông Võ Văn K, hiện do Công ty đang giữ, nguyên đơn đồng

ý trả lại cho bị đơn khi bị đơn trả đủ tiền nợ cho nguyên đơn. Đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt phía nguyên đơn.

* Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành công khai chứng cứ và hòa giải theo đúng thủ tục tố tụng nhưng ông K vắng mặt không có lý do dù đã được Tòa án tống đạt thủ tục tố tụng hợp lệ theo quy định của pháp luật. Do, ông K không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; vụ án không tiến hành hòa giải được.

** Tại phiên tòa,*

Nguyên đơn, bị đơn không bổ sung tài liệu, chứng cứ gì thêm.

Nguyên đơn Công ty Cổ phần S Có Ngay vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn ông Võ Văn K vắng mặt tại phiên tòa.

Kiểm sát viên phát biểu việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án như sau:

- Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền nghĩa vụ theo quy định pháp luật tố tụng. Tuy nhiên, bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật tố tụng.

- Về nội dung: Căn cứ vào Điều 26, 35, 39, 147, 217, 227, 228, 238, 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 303, 309, 310, 310, 311, 312, 313, 314 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 25, khoản 6 Điều 29 Nghị định số 96/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính Phủ quy định điều kiện về an ninh, trật tự đối với một số ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử, tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần S Có Ngay.

Buộc ông Võ Văn K có trách nhiệm trả cho Công ty Cổ phần S Có Ngay số tiền là 25.677.404đồng (hai mươi lăm triệu sáu trăm bảy mươi bảy nghìn bốn trăm lẻ bốn đồng);

Buộc Công ty Cổ phần S trả lại cho ông Võ Văn K bản gốc Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số: 027119 , do Công an tỉnh V cấp cho ông Võ Văn K ngày 19/3/2016.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc tính phí quản lý hồ sơ, tính phí bảo dưỡng, yêu cầu cơ quan thi hành án kê biên, xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ và chuyển hồ sơ qua cơ quan cảnh sát điều tra để xử lý.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Võ Văn K phải nộp số tiền 1.284.000đồng (một triệu hai trăm tám mươi bốn nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Công ty Cổ phần S Có Ngay có đơn khởi kiện ông Võ Văn K, sinh năm 1977; nơi cư trú: Số B, Đường A, phường T, (Phường E, thành phố V cũ), tỉnh Vĩnh Long; tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông K trả số tiền nợ gốc là 13.720.010đồng và tiền lãi suất. Do đó, căn cứ Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1-Vĩnh Long.

[1.2] Từ khi thụ lý vụ án Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng như thông báo thụ lý vụ án, được triệu tập hợp lệ dự phiên họp về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, triệu tập tham dự phiên tòa sơ thẩm vào các ngày 22/8/2025 và ngày 05/9/2025 cho ông K đúng theo quy định của pháp luật nhưng ông K vẫn vắng mặt không lý do. Ngày 11/9/2025 đại diện nguyên đơn có đơn đề nghị xin vắng mặt. Do đó, căn cứ Khoản 1, 3 Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đại diện nguyên đơn ông Nguyễn Minh V và bị đơn ông Võ Văn K.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Công ty Cổ phần S Có Ngay yêu cầu bị đơn ông Võ Văn K trả số tiền nợ gốc là 13.720.010đồng căn cứ Hợp đồng cầm cố ngày 29/11/2020 thì phía nguyên đơn đã giao số tiền 15.800.000đồng cho bị đơn và bị đơn giao cho nguyên đơn giữ chiếc xe máy nhãn hiệu Honda biển số 64B1- 662.94, hợp đồng này có chữ ký và ghi họ và tên của bên cầm cố ông Võ Văn K và bên nhận cầm cố Công ty TNHH S1 (nay Công ty Cổ phần S) - Chi nhánh V1 01. Hợp đồng cầm cố được các bên xác lập trên tinh thần tự nguyện, khi giao dịch các đương sự có đầy đủ năng lực pháp luật dân sự và năng lực hành vi dân sự theo quy định tại Điều 117 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Nguyên đơn có đăng ký kinh doanh và tại số thứ tự 27 Điều 4 của Điều lệ Công ty có nêu rõ các ngành nghề kinh doanh của Công ty trong đó có "hoạt động cấp tín dụng khác, chi tiết: dịch vụ cầm đồ", nên Công ty xác lập hợp đồng cầm cố với khách hàng là hợp pháp, đúng với ngành nghề kinh doanh mà Điều lệ của Công ty đã đăng ký, phù hợp quy định tại khoản 4, Điều 3 của Nghị định số 96/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định điều kiện về an ninh, trật tự đối với một số ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện. Vì vậy, hợp đồng cầm cố có hiệu lực từ thời điểm giao kết theo quy định tại Khoản 1 Điều 310 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Quá trình thực hiện hợp đồng bị đơn chưa thanh toán cho nguyên đơn. Do đó, ông K đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ.

Tòa án đã thông báo hợp lệ về việc công khai chứng cứ là Hợp đồng cầm cố ngày 29/11/2020 và các tài liệu chứng cứ kèm theo do nguyên đơn xuất trình,

đến tại phiên tòa hôm nay Tòa án chưa nhận được chứng cứ nào thể hiện bị đơn phản đối chứng cứ do nguyên đơn đưa ra nên Hợp đồng cầm cố ngày 29/11/2020 và các tài liệu chứng cứ kèm theo nêu trên được xem là tình tiết, văn bản mà nguyên đơn không phải chứng minh, được quy định tại Khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015, vì vậy, việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn ông K trả số tiền nợ gốc 13.720.010đồng là có căn cứ được chấp nhận.

[3] Xét yêu cầu tiền lãi suất của nguyên đơn

Căn cứ hợp đồng cầm cố các bên thỏa thuận lãi suất cầm cố trong hạn 1,1%/tháng, lãi suất quá hạn: bằng 150% lãi suất trong hạn. Hợp đồng cầm cố giữa nguyên đơn và bị đơn có thời hạn 12 tháng tính từ ngày 29/11/2020 đến 29/11/2021 thì hết hạn. Kể từ ngày được giải ngân số tiền 15.800.000đồng (ngày 29/11/2020) theo hợp đồng cầm cố đến nay bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn số tiền 3.531.000đồng. Sự thỏa thuận này phù hợp với quy định tại khoản 6 Điều 29 Nghị định số 96/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định điều kiện về an ninh, trật tự đối với một số ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, cụ thể:"*6. Tỷ lệ lãi suất cho vay tiền khi nhận cầm cố tài sản không vượt quá tỷ lệ lãi suất theo quy định của Bộ luật Dân sự*" và tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: "*Lãi suất cho vay do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, ...*", nên mức lãi suất nguyên đơn yêu cầu là có căn cứ chấp nhận. Cụ thể số tiền lãi bị đơn phải trả được tính như sau:

- Lãi trong hạn được tính như sau: (13.720.010đồng x 1,1%/tháng x 303 ngày (từ ngày 30/01/2021 đến ngày 29/11/2021) = 1.524.293 đồng.

- Lãi quá hạn được tính như sau: (13.720.010đồng x 1,65%/tháng x 1383 ngày (từ ngày 30/11/2021 đến ngày 12/9/2025) = 10.433.101đồng.

Tổng cộng tiền lãi suất là : 11.957.394 đồng. Như vậy, bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn tổng cộng vốn gốc và lãi là 25.677.404 đồng.

[4] Về chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Biển số 64B1- 662.94 sau khi ký hợp đồng cầm cố với nguyên đơn thì nguyên đơn và bị đơn ký Giấy mượn xe ngày 29/11/2020 với nội dung nguyên đơn không có giữ chiếc xe của bị đơn mà giao chiếc xe Biển số 64B1- 662.94 cho bị đơn quản lý sử dụng cho đến nay. Tại biên bản tự khai ngày 11/9/2025, ông V trình bày nguyên đơn đồng ý trả lại cho ông K1 gốc Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số: 027119 , do Công an tỉnh V cấp cho ông Võ Văn K ngày 19/3/2016 khi ông K trả xong nợ cho nguyên đơn nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì phía nguyên đơn rút lại yêu cầu bị đơn phải trả số tiền phí quản lý hồ sơ và hao mòn xe là 22.729.483đồng và yêu cầu đề nghị cơ quan có thẩm quyền kê biên, phát mãi tài sản cầm cố để thu hồi nợ, tài sản cầm cố là: Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, biển số 64B1-662.94, loại xe Honda Vision 110cc Fi theo giấy chứng nhận đăng ký số 027119 và chuyển hồ sơ qua cơ quan cảnh sát điều tra để xử lý.

[6] Về án phí dân sự: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc ông Võ Văn K chịu án phí có giá ngạch 5% trên số tiền mà ông K có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn; Công ty Cổ phần S Có Ngay không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[7] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1-Vĩnh Long là có cơ sở nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 2 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 2 Điều 92; Điều 147, 266, 273, Khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238, Khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 117, 309, 310 và Điều 311 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 1, 7, 8 và Điều 24 của Luật Doanh nghiệp năm 2020; Điều 3, 29 Nghị định số 96/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định điều kiện về an ninh, trật tự đối với một số ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần S Có Ngay đối với ông Võ Văn K.

1.1. Buộc ông Võ Văn K có trách nhiệm trả cho Công ty Cổ phần S Có Ngay số tiền là 25.677.404đồng (hai mươi lăm triệu sáu trăm bảy mươi bảy nghìn bốn trăm lẻ bốn đồng), (trong đó: nợ gốc 13.720.010đồng, lãi trong hạn 1.524.293đồng và lãi quá hạn 10.433.101đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án làm đơn yêu cầu thi hành án, mà bên phải thi hành án chưa tự nguyện thi hành án xong, thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo Khoản 2 Điều 468 của Bộ Luật dân sự năm 2015.

1.2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu bị đơn phải trả số tiền phí quản lý hồ sơ và hao mòn xe là 22.729.483đồng; yêu cầu đề nghị cơ quan có thẩm quyền kê biên, phát mãi tài sản cầm cố để thu hồi nợ, tài sản cầm cố là: Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, Biển số 64B1- 662.94, loại xe Honda Vision 110cc Fi theo giấy chứng nhận đăng ký số 027119; yêu cầu chuyển hồ sơ qua cơ quan cảnh sát điều tra để xử lý.

1.3. Buộc Công ty Cổ phần S Ngay trả lại cho ông Võ Văn K bản gốc Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số: 027119 , do Công an tỉnh V cấp cho ông Võ Văn K ngày 19/3/2016.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc ông Võ Văn K phải nộp số tiền là 1.284.000đồng (một triệu hai trăm tám mươi bốn nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả cho Công ty Cổ phần S Có Ngay số tiền 1.179.121đồng (một triệu một trăm bảy mươi chín nghìn một trăm hai mươi một đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0008019 ngày 29/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1-Vĩnh Long).

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6,7, 7a,7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai đại diện nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long;
- Phòng thi hành án dân sự khu vực 1- Vĩnh Long;
- VKSND khu vực 1- Vĩnh Long;
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đoàn Thị Kim Yến

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

1/ **.....**

2/ ..... …….....

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

1/ **.....**

2/ ..... …….....